

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
THƯƠNG
MẠI VÀ
DỊCH VỤ
QUỐC TẾ**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
QUỐC TẾ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Quận Nam Từ Liêm,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ QUỐC TẾ,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:0100110052
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2026-05-04 10:04:27
Foxit Reader Version: 9.7.0

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ 1 NĂM 2026 KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2026**

Tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026 kết thúc ngày 31/03/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Ông Triệu Văn Bằng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hoàng Thao	Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Triệu Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Tài chính – Kế toán

Ông Phạm Xuân Phương	Kế toán trưởng
----------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 31/03/2026 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán quý 1 năm 2026 kết thúc ngày 31/03/2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.



Vũ Hoàng Thao
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153,916,531,577	148,714,328,465
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20,134,745,467	12,821,395,226
1. Tiền	111		19,134,745,467	10,821,395,226
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	2,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41,795,000,000	21,595,000,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	14	42,295,000,000	22,095,000,000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	14	(500,000,000)	(500,000,000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86,413,034,063	108,388,803,221
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	81,046,253,339	75,882,345,201
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	15,351,326,837	43,802,862,959
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	6	53,602,740,269	52,836,566,716
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(63,587,286,382)	(64,132,971,655)
IV. Hàng tồn kho	140		3,344,547,006	2,910,772,607
1. Hàng tồn kho	141	7	3,344,547,006	2,910,772,607
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2,229,205,041	2,998,357,411
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	8	1,270,444,451	811,339,111
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		8,770,057	16,911,637
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	16	949,990,533	2,170,106,663
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		564,333,866,790	561,507,864,686
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,327,100,000	4,327,100,000
5. Phải thu dài hạn khác	215	6	4,327,100,000	4,327,100,000
II. Tài sản cố định	220		44,818,010,816	46,509,971,534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	44,765,353,316	46,449,281,534
- Nguyên giá	222		166,455,094,826	166,455,094,826
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121,689,741,510)	(120,005,813,292)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	52,657,500	60,690,000
- Nguyên giá	228		1,127,981,600	1,127,981,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,075,324,100)	(1,067,291,600)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		278,623,587,092	273,840,056,702
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	12	278,623,587,092	273,840,056,702
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		231,656,713,491	231,656,713,492
1. Đầu tư vào công ty con	261	13	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	262	13	70,786,121,207	70,786,121,208
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	13	167,485,579,488	167,485,579,488
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	13	(6,614,987,204)	(6,614,987,204)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		4,908,455,391	5,174,022,958
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	8	4,584,738,679	4,866,299,671
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		323,716,712	307,723,287
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		718,250,398,367	710,222,193,151

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/03/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		332,735,931,603	343,394,143,379
I. Nợ ngắn hạn	310		78,443,013,057	89,166,588,924
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	17,331,832,831	11,103,633,473
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		988,494,828	10,021,283,647
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	5,218,002,919	902,004,039
5. Phải trả người lao động	315		4,000,667,985	6,445,028,821
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	10,841,118,299	10,735,448,509
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	21	505,176,000	279,595,543
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	18	29,516,934,584	30,406,448,681
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	20	9,941,652,164	19,157,712,764
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		99,133,447	115,433,447
II. Nợ dài hạn	330		254,292,918,546	254,227,554,455
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	4,820,660,520	4,820,660,520
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	21	296,199,455	305,298,364
8. Phải trả dài hạn khác	338	18	234,417,645,294	234,343,182,294
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	20	14,758,413,277	14,758,413,277
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		385,514,466,764	366,828,049,772
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	360,000,000,000	360,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360,000,000,000	360,000,000,000
2. Thặng dư vốn	412		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,561,824,000	1,561,824,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(28,515,791,619)	(46,585,493,362)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(47,681,691,822)	(62,159,328,409)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		19,165,900,203	15,573,835,047
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		52,468,434,383	51,851,719,134
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		718,250,398,367	710,222,193,151

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Phạm Xuân Phương



Tổng Giám đốc

Vũ Hoàng Thao

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Quý 1/2026		Quý 1/2025		Lũy kế từ đầu năm		Lũy kế từ đầu năm	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	126,940,704,047	30,857,231,765	126,940,704,047	30,857,231,765	126,940,704,047	30,857,231,765	126,940,704,047	30,857,231,765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	126,940,704,047	30,857,231,765	126,940,704,047	30,857,231,765	126,940,704,047	30,857,231,765	126,940,704,047	30,857,231,765
4. Giá vốn hàng bán	11	117,019,985,579	23,367,422,998	117,019,985,579	23,367,422,998	117,019,985,579	23,367,422,998	117,019,985,579	23,367,422,998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	9,920,718,468	7,489,808,767	9,920,718,468	7,489,808,767	9,920,718,468	7,489,808,767	9,920,718,468	7,489,808,767
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	16,601,860,203	236,869,371	16,601,860,203	236,869,371	16,601,860,203	236,869,371	16,601,860,203	236,869,371
8. Chi phí tài chính	23	386,622,805	788,144,035	386,622,805	788,144,035	386,622,805	788,144,035	386,622,805	788,144,035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24	269,591,905	686,941,492	269,591,905	686,941,492	269,591,905	686,941,492	269,591,905	686,941,492
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,916,488,029	5,989,610,167	5,916,488,029	5,989,610,167	5,916,488,029	5,989,610,167	5,916,488,029	5,989,610,167
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21+22-(23+25+26)}	30	20,219,467,837	948,923,936	20,219,467,837	948,923,936	20,219,467,837	948,923,936	20,219,467,837	948,923,936
12. Thu nhập khác	31	35,046,400	19,261,870	35,046,400	19,261,870	35,046,400	19,261,870	35,046,400	19,261,870
13. Chi phí khác	32	22,651,920	50,935,852	22,651,920	50,935,852	22,651,920	50,935,852	22,651,920	50,935,852
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	12,394,480	(31,673,982)	12,394,480	(31,673,982)	12,394,480	(31,673,982)	12,394,480	(31,673,982)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	20,231,862,317	917,249,954	20,231,862,317	917,249,954	20,231,862,317	917,249,954	20,231,862,317	917,249,954
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	402,746,874	471,590,032	402,746,874	471,590,032	402,746,874	471,590,032	402,746,874	471,590,032
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	19,829,115,443	445,659,922	19,829,115,443	445,659,922	19,829,115,443	445,659,922	19,829,115,443	445,659,922
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	19,165,900,203	(402,985,425)	19,165,900,203	(402,985,425)	19,165,900,203	(402,985,425)	19,165,900,203	(402,985,425)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	663,215,240	848,645,347	663,215,240	848,645,347	663,215,240	848,645,347	663,215,240	848,645,347

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung
Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Phương
Phạm Xuân Phương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
			đến 31/03/2026	đến 31/03/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		20,231,862,317	917,249,954
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1,691,960,718	1,711,838,320
Các khoản dự phòng	03		(545,685,273)	40,000,000
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04			(142,813,698)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(16,086,718,579)	476,049
Chi phí lãi vay	06		194,505,053	788,144,035
<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh trước</i>	08		5,485,924,236	3,314,894,660
<i>thay đổi vốn lưu động</i>				
Tăng giảm các khoản phải thu	09		20,754,052,606	(2,586,630,881)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(433,774,399)	1,013,159,931
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(346,389,318)	2,525,318,443
Tăng giảm chi phí trả trước	12		124,618,569	268,702,547
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		197,260,199	(237,534,667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		138,298,525	(351,794,939)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		13,077,202,123	5,243,924,335
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14,642,907,724)	(6,586,290,846)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		24,354,284,817	2,603,748,583
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2,901,815,552)	(52,442,886)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34,600,000,000)	(2,400,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		14,400,000,000	2,700,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15,559,407,202	75,244,890
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(7,542,408,350)	322,802,004

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
			đến 31/03/2026	đến 31/03/2025
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
Tiền thu từ đi vay	33		30,000,000,000	1,805,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39,498,526,226)	(956,764,424)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(9,498,526,226)</i>	<i>848,235,576</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>7,313,350,241</i>	<i>3,774,786,163</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,821,395,226	12,330,703,728
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		20,134,745,467	16,105,489,891

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Phương



Tổng Giám đốc

Vũ Hoàng Thao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) - (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 18/12/2015, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 16 ngày 04 tháng 08 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp- Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ.

Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: INTERSERCO.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật:
Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Hoàng Thao - Tổng Giám đốc

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế.
Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giấy dếp;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa,rom, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì giấy và bia;
- Xây dựng nhà để ở, xây dựng nhà không để ở;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình điện;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán mô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp (loại nhà nước cho phép)
(Không bao gồm bán buôn tổng hợp với lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ ăn uống khác;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Cổng thông tin;
(Trừ hoạt động báo trí).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
(Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố người nước ngoài; không bao gồm đại lý, môi giới hàng hóa là lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
(Trừ dược phẩm, sách, báo và tạp chí, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu).
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
(Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
(Chi tiết: Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Nhà nước cấm))
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Hoạt động các đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Đại lý du lịch;
- Đào tạo sơ cấp, trung cấp, cao đẳng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao - không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
(Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm));
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
(Chi tiết: kinh doanh vận tải đa phương thức);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không bao gồm kim loại quý, đá quý);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm lúa gạo, thuốc lá và xì gà)
- Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không bao gồm lúa gạo)
- Bán buôn thực phẩm (không bao gồm đường mía, đường củ cải);
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Đơn vị

A. Các Công ty con

Các Công ty con sở hữu trực tiếp

1. Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây
2. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình
3. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế

Công ty con sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình

1. Công ty TNHH Logistics Interserco – Vật Cách

B. Các Công ty liên doanh, liên kết

Các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế
2. Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế
3. Công ty May Liên doanh Plummy
4. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam
5. Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp
6. Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam
7. Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
8. Công ty Cổ phần Curate IT

Các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây

1. Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân
2. Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được hợp nhất từ báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty do công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho giai đoạn từ 01/01/2026 đến 31/03/2026. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Ngoại trừ lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện giao dịch nội bộ, các khoản giao dịch nội bộ giữa các công ty con và công ty mẹ và các số dư nội bộ giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các khoản lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và 04 Công ty con bao gồm:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Công ty mẹ);
2. Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây;
3. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình;
4. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế;
5. Công ty TNHH Logistics Interserco – Vật Cách (gián tiếp).

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Do không thu thập được các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết nên các khoản đầu tư này được kế toán theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Lợi nhuận được chia hàng năm từ các khoản đầu tư tài chính được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014 và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04 - 25

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và phần mềm kiểm soát bãi đỗ xe. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm máy vi tính	03 – 08

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và các khoản chi phí khác được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các qui định kế toán hiện hành. Các chi phí trả trước dài hạn khác có thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

3.14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ.

3.15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tổng số cổ phần 36.000.000, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phần. Theo Quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế. Trong đó, phần vốn Nhà nước do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý chiếm 45% vốn điều lệ, phần vốn của các cổ đông khác chiếm 55% vốn điều lệ. Ngày 20/03/2026 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã thực hiện đấu giá bán 45% cổ phần của UBND thành phố Hà Nội. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho các nhà đầu tư trúng đấu giá.

3.16. GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này; các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Tiền mặt	4,959,180,438	1,514,453,096
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14,175,565,029	9,306,942,130
+ Ngân hàng VCB	5,223,989,909	5,116,860,914
+ Ngân hàng TCB	7,342,171,791	1,938,598,730
+ Các ngân hàng khác	1,609,403,329	2,251,482,486
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	1,000,000,000	2,000,000,000
Tổng	20,134,745,467	12,821,395,226



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
	Giá trị VND	Giá trị VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	81,046,253,339	75,882,345,201
- Công ty CP vận tải TM và XNK Thiện Tài	24,353,472,000	24,353,472,000
- Công ty CP Măng gan Chiến Thắng	12,288,342,970	12,378,342,970
- Công ty CP Thương mại Điện máy Việt Long	5,788,373,827	5,828,373,827
- XNXD3 - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	6,440,269,832	6,440,269,832
- Công ty cổ phần Mai Vũ	885,080,000	2,164,800,000
- Công ty CP Interserco -CB	1,489,465,753	1,489,465,753
- Công ty CP Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	3,060,000,000	3,060,000,000
- Các khách hàng khác	26,741,248,957	20,167,620,819
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4,770,377,403	5,046,290,680
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng ICC Việt Nam	2,839,665,943	2,839,665,943
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CGD Việt Nam	126,426,285	-
- Công ty CP Chuỗi Cung ứng Liên Hợp	645,365	421,874
- Công ty CP Bê tông Sơn Tây	27,920,884	290,533,684
- Công ty cổ phần Cảng Hồng Vân	395,060,548	576,429,316
- Công ty CP TMQT Interserco Việt Nam	1,338,088,137	1,337,696,772
- Công ty CP Khang Việt Hà	3,570,241	1,543,091
- Trường Trung cấp nghề nhân lực Quốc tế Hà Nội	39,000,000	-
- Công ty CP Curate IT	795,528	427,235

Trong tổng số dư công nợ phải thu khách hàng có 52.394.347.194 đồng là công nợ phải thu khách hàng nhận bàn giao từ DNNN sang Công ty cổ phần theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	53,602,740,269	2,816,668,586	52,836,566,716	3,317,670,639
Ký cược, ký quỹ	15,000,000	-	13,000,000	-
Tạm ứng	47,836,016,056	-	46,338,257,001	-
- Ông Nguyễn Văn Long	6,081,854,000	-	6,081,854,000	-
- Ông Bùi Sĩ Minh	7,905,050,100	-	7,925,050,100	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	11,030,316,969	-	10,286,580,169	-
- Bà Phùng Ngọc Dung	5,501,024,580	-	5,501,024,580	-
- Các đối tượng khác	17,317,770,407	-	16,543,748,152	-
Các khoản chi hệ	712,824,326	-	846,685,530	-
- Công ty TNHH Canon Việt Nam	276,539,903	-	318,132,415	-
- Công ty TNHH Panasonic Vietj Nam	368,877,306	-	501,274,783	-
- Các đối tượng khác	67,407,117	-	27,278,332	-
Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi	469,157,534	-	20,191,781	-
Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB) - Hà Nội	469,157,534	-	20,191,781	-
- Công ty CP Cảng Sơn Tây	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	4,569,742,353	2,816,668,586	5,618,432,404	3,317,670,639
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2,816,668,586	2,816,668,586	2,816,668,586	2,816,668,586
Trung tâm Mỹ thuật & Đầu tư phát triển văn hóa	-	-	331,282,495	-
- Đối tượng khác	1,753,073,767	-	2,470,481,323	501,002,053
b. Dài hạn	4,327,100,000	-	4,327,100,000	-
Ký cược, ký quỹ	4,327,100,000	-	4,327,100,000	-
	57,929,840,269	2,816,668,586	57,163,666,716	3,317,670,639
c. Phải thu khác là các bên liên quan	268,268,759		183,957,927	-
- Công ty CP Cảng Hồng Vân	268,268,759		183,957,927	-

Trong tổng số dư công nợ phải thu khác có 3.567.398.935đ là công nợ phải thu khác nhận bàn giao từ DNN sang Công ty cổ phần theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	261,335,444	-	91,001,317	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3,026,895,450	-	2,763,455,178	-
- Hàng hoá	56,316,112	-	56,316,112	-
	3,344,547,006	-	2,910,772,607	-

8. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	1,270,444,451	811,339,111
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	4,584,738,679	4,866,299,671
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	474,194,976	650,339,808
- Chi phí đền bù hoa màu xã Sơn Đồng (ICD Đức Thượng)	236,045,457	249,876,237
- Chi phí giới thiệu cảng cạn ICD Đức Thượng tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	811,394,957	811,394,957
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3,063,103,289	3,154,688,669
	5,855,183,130	5,677,638,782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2026	01/01/2026
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	15,351,326,837	43,802,862,959
- Công ty cổ phần xây dựng ICC Việt Nam	378,535,750	-
- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội	5,336,785,750	5,336,785,750
- KVN INVESTMENT LLC	4,722,879,570	4,722,879,570
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam	1,203,742,500	1,203,742,500
- Công ty CP Khảo sát tài nguyên và tư vấn nhà đất Hà Nội	585,017,000	585,017,000
- Công ty Vận tải Thủy Hoàng Tiến	213,000,000	213,000,000
- Công ty CP Xếp dỡ lắp đặt máy THL	218,000,000	218,000,000
- Công ty CP Vận tải và Thương mại Phú Khang	128,000,000	128,000,000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	111,719,960	111,719,960
- Công ty CP Tư vấn xây dựng CGD Việt Nam	223,888,242	-
- Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	-	30,000,000,000
- Các khách hàng khác	2,229,758,065	1,283,718,179
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	602,423,992	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng ICC Việt Nam	378,535,750	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CGD Việt Nam	223,888,242	-

Trong tổng số dư công nợ trả trước cho người bán có 5.443.599.530đ là công nợ trả trước cho người bán nhận bàn giao từ DNNN sang Công ty cổ phần theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2026	137,212,464,217	19,937,731,992	7,999,001,408	530,532,240	775,364,969	166,455,094,826
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
31/03/2026	137,212,464,217	19,937,731,992	7,999,001,408	530,532,240	775,364,969	166,455,094,826
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2026	101,383,154,214	11,711,281,513	6,016,987,285	504,137,111	390,253,169	120,005,813,292
Khấu hao trong kỳ	1,191,240,785	328,168,423	125,852,673	7,391,892	31,274,445	1,683,928,218
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
31/03/2026	102,574,394,999	12,039,449,936	6,142,839,958	511,529,003	355,673,574	121,689,741,510
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2026	35,829,310,003	8,226,450,479	1,982,014,123	26,395,129	385,111,800	46,449,281,534
31/03/2026	34,638,069,218	7,898,282,056	1,856,161,450	19,003,237	419,691,395	44,765,353,316

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/03/2026: 60.585.972.798 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/03/2026: 877.297.205 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2026	1,127,981,600	1,127,981,600
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
31/03/2026	<u>1,127,981,600</u>	<u>1,127,981,600</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2026	1,067,291,600	1,067,291,600
Khấu hao trong kỳ	8,032,500	8,032,500
31/03/2026	<u>1,075,324,100</u>	<u>1,075,324,100</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2026	<u>60,690,000</u>	<u>60,690,000</u>
31/03/2026	<u>52,657,500</u>	<u>52,657,500</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/03/2026 là 967.331.600đ.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	278,623,587,092	273,840,056,702
- Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội (*)	274,560,152,639	270,062,783,419
- Cải tạo Trường Trung cấp nghề	1,890,071,269	1,890,071,269
- Xây dựng cơ bản khác (**)	2,173,363,184	1,887,202,014

(*) Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội được khởi công xây dựng vào tháng 02 năm 2017 với Tổng mức đầu tư được phê duyệt là 1.598.494.510.000 đồng. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ tháng 02/2017 đến quý 4/2023. Dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với tổng vốn đầu tư khoảng 1.720,931 tỷ đồng, tiến độ dự án đến quý IV/2024. Đến ngày 06/10/2025, dự án đã được ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quyết định số 5000/QĐ-UBND:

1. Thời gian thực hiện dự án: Quý IV/2027.
2. Tổng vốn đầu tư: 1.747,717 tỷ đồng (tăng 26,786 tỷ đồng);
3. Điều chỉnh thời gian hoạt động dự án: 50 năm kể từ ngày nhà đầu tư được quyết định cho thuê đất.

(**) Đầu tư xây dựng, sửa chữa một số hạng mục của Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây tại cảng Sơn Tây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2026				01/01/2026			
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo vốn chủ	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo vốn chủ
			VND	VND			VND	VND
Tên Công ty liên doanh, liên kết								
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	29.00%	29.00%	754,000,000	770,741,038	29.00%	29.00%	754,000,000	770,741,038
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	39.78%	39.78%	9,754,973,518	545,092,358	39.78%	39.78%	9,754,973,518	545,092,358
- Công ty May liên doanh Plummy	49.00%	49.00%	3,920,787,063	-	49.00%	49.00%	3,920,787,063	-
- Công ty Cổ phần Chuối Cung ứng Liên hợp	30.60%	30.60%	9,800,000,000	4,939,137,342	49.00%	49.00%	9,800,000,000	4,939,137,342
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	47.00%	47.00%	3,060,000,000	1,591,679,355	30.60%	30.60%	3,060,000,000	1,591,679,355
- Công ty Cổ phần TMQT Interserco VN	40.00%	47.00%	30,550,000,000	32,137,183,705	47.00%	47.00%	30,550,000,000	32,137,183,705
- Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	20.00%	40.00%	20,000,000,000	19,955,679,542	40.00%	40.00%	20,000,000,000	19,955,679,542
- Công ty Cổ phần Bé tổng Sơn Tây	20.00%	20.00%	3,920,000,000	4,249,438,696	20.00%	20.00%	3,920,000,000	4,249,438,696
- Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội			9,897,400,000	3,884,202,060			9,897,400,000	3,884,202,060
- Công ty Cổ phần Curate IT			3,000,000,000	2,712,967,112			3,000,000,000	2,712,967,112
Tổng			94,657,160,581	70,786,121,208			94,657,160,581	70,786,121,208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/03/2026		01/01/2026		Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Ngày hết hạn	Ngày tháng kể từ ngày nhận tiền và gia hạn tiếp nếu không có thỏa thuận gì	Tình trạng	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND								
	VND	VND	VND	VND								
Ngắn hạn	42,295,000,000	41,795,000,000	22,095,000,000	21,595,000,000	500,000,000	21,595,000,000	500,000,000				Chưa thu hồi	
- Cho vay ngắn hạn	6,690,000,000	6,190,000,000	16,590,000,000	16,090,000,000	500,000,000	16,090,000,000	500,000,000				Chưa thu hồi	
+ Công ty CP INTERSERCO VCI	500,000,000		500,000,000	-		-						
+ Công ty CP Cảng Hồng Vân	6,190,000,000	6,190,000,000		13,390,000,000		13,390,000,000						
+ Đặng Thị Hồng	-	-	-	950,000,000		950,000,000						
+ Vạn Quỳnh Châm	-	-	-	850,000,000		850,000,000						
+ Phùng Thị Hoa	-	-	-	900,000,000		900,000,000						
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	35,605,000,000	35,605,000,000		5,505,000,000		5,505,000,000						
+ Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB)- CN Hà Nội	35,600,000,000	35,600,000,000		5,500,000,000		5,500,000,000						
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	5,000,000	5,000,000										
<i>Thông tin bổ sung về các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn</i>												
Các khoản đầu tư	Ngày hợp đồng	Ngày hết hạn	Tình trạng									
- Công ty CP INTERSERCO VCI	20/04/2007	<12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Chưa thu hồi được									
	15/12/2023											
	04/08/2025											
	25/03/2025											
	04/04/2023											
- Công ty CP Cảng Hồng Vân		<12 tháng kể từ ngày nhận tiền và gia hạn tiếp nếu không có thỏa thuận gì	Chưa thu hồi									

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
Số 17 Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026
Kết thúc ngày 31/03/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	17,331,832,831	17,331,832,831	11,103,633,473	11,103,633,473
- Công ty CP TNHH Technology Amy Việt Nam	960,627,600	960,627,600	-	-
- Công ty cổ phần Cảng Hồng Vân	2,379,678,373	2,379,678,373	2,470,524,680	2,470,524,680
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	207,439,000	207,439,000	300,125,800	300,125,800
- Công ty TNHH Logistics CMC	254,988,000	254,988,000	-	-
- CN Công ty CP Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng	30,185,001	30,185,001	193,643,001	193,643,001
- Công ty TNHH TM và DV Vận tải Diệp Lâm Anh	445,339,080	445,339,080	332,694,000	332,694,000
- Công ty TNHH Logistics XNK	352,470,000	352,470,000	398,400,000	398,400,000
- Hangzhou bestway imp & exp co.,	9,296,061,272	9,296,061,272	4,949,589,313	4,949,589,313
- Các đối tượng khác	3,405,044,505	3,405,044,505	2,458,656,679	2,458,656,679
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	4,820,660,520	4,820,660,520	4,820,660,520	4,820,660,520
- Công ty TNHH Changlin	4,806,588,000	4,806,588,000	4,820,660,520	4,820,660,520
	22,152,493,351	22,152,493,351	15,924,293,993	15,924,293,993
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	2,508,686,975	2,508,686,975	3,150,004,989	3,150,004,989
- Công ty CP Xây dựng ICC Việt Nam	-	-	221,464,250	221,464,250
- Công ty CP Cảng Hồng Vân	2,379,678,373	2,379,678,373	2,470,524,680	2,470,524,680
- Công ty CP Logistics Hàng không	129,008,602	129,008,602	64,504,301	64,504,301
- Công ty CP Tư vấn xây dựng CGD Việt Nam	-	-	393,511,758	393,511,758

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2026	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2026
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	509,206,982	1,527,213,047	1,043,211,301	993,208,728
- Thuế xuất nhập khẩu	(37,758,123)	-	-	(37,758,123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(635,634,540)	402,746,874	270,999,553	(503,887,219)
- Thuế thu nhập cá nhân	122,995,506	505,270,242	321,282,941	306,982,807
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	(1,226,912,449)	4,789,045,583	52,666,941	3,509,466,193
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
	(1,268,102,624)	7,224,275,746	1,688,160,736	4,268,012,386
Trong đó:				
Phải thu	2,170,106,663			949,990,533
Phải nộp	902,004,039			5,218,002,919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	10,841,118,299	10,735,448,509
- Chi phí lãi vay	9,832,846,879	9,815,653,846
+ Nguyễn Minh Tuấn	9,693,784,056	9,693,784,056
+ Các đối tượng khác	139,062,823	121,869,790
- Chi phí phải trả khác	1,008,271,420	919,794,663
Dài hạn	-	-
- Chi phí lãi vay	-	-
- Chi phí phải trả khác	-	-
Phải trả các bên liên quan	8,452,693	8,452,693
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Interseco Việt Nam	8,452,693	8,452,693

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn	29,516,934,584	30,406,448,681
- Kinh phí công đoàn	62,392,687	38,273,372
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	11,879,299	-
- Phải trả Hợp tác kinh doanh	1,420,950,000	1,420,950,000
+ Công ty CP Thương mại Quốc tế Interseco Việt Nam	1,420,950,000	1,420,950,000
- Lãi vay phải trả	25,764,872,827	25,764,872,827
+ Ngân hàng Phát triển VN - SGD I-PGD Hà Đông	189,545,619	189,545,619
+ Ngân hàng nông nghiệp Hoài Đức	94,250,000	94,250,000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	25,481,077,208	25,481,077,208
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,256,839,771	3,182,352,482
b. Dài hạn	234,417,645,294	234,343,182,294
Các khoản phải trả liên quan giá trị lợi thuế quyền khai	95,118,788,118	95,118,788,118
- thác tài sản trên đất tại số 17 Phạm Hùng		
+ Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (1)	3,114,611,124	3,114,611,124
+ Công ty CP Logistics Hàng Không (1)	35,493,704,528	35,493,704,528
+ Công ty CP Interserco Mỹ Đình (1)	11,307,344,849	11,307,344,849
+ Công ty CP Thương mại Quốc tế Interseco Việt Nam	45,203,127,617	45,203,127,617
- Ông Nguyễn Đức Trường	76,000,000,000	76,000,000,000
- Phải trả dài hạn khác	63,298,857,176	63,224,394,176
	263,934,579,878	264,749,630,975
c. Các bên liên quan	138,403,809,911	139,154,585,621
- Công ty CP Logistics Hàng Không	76,844,077,586	77,196,842,679
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	61,559,732,325	61,957,742,942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

(1): Theo Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016 của Sở Tài chính Hà Nội và Công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản để góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí di dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567		300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng			3.250.320.000	
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.114.611.124	10.976.886.279	1.349.462.407
Cộng	11.307.344.849	3.114.611.124	35.493.704.528	45.203.127.617

(*) Đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sau khi đã chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

(2) Xem thuyết minh số 19.1 phần thuyết minh chi tiết vốn chủ sở hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026
Kết thúc ngày 31/03/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. NỢ XẤU

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Phải thu khách hàng	55,772,022,965	612,321,479	55,159,701,486	611,930,114
+ Công ty CP vận tải TM và XNK Thiên Tài	24,353,472,000	-	24,353,472,000	-
+ Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	12,228,342,970	-	12,228,342,970	-
+ Công ty CP Đầu tư TM và Điện máy Việt Long	5,788,373,827	-	5,788,373,827	-
+ Công ty TNHH MTV Khai thác chế biến Khoáng sản Nam Vương	1,037,862,545	-	1,037,862,545	-
+ Công ty CP Interserco - CB	1,489,465,753	-	1,489,465,753	-
+ Công ty CP Interserco VCI	579,288,000	-	579,288,000	-
+ Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng VN XN XD3 - Tổng công ty Đầu tư và PT hạ tầng đô thị UDIC - Cty TNHH MTV	287,272,267	-	287,272,267	-
+ Công ty CP TM Quốc tế Interserco Việt Nam	6,440,269,832	-	6,440,269,832	-
+ Các đơn vị khác	1,338,088,137	7,143,395	1,330,944,742	6,752,030
- Trá trước cho người bán	2,229,587,634	605,178,084	2,229,587,634	605,178,084
+ KVN INVESTMENT LLC	5,465,599,530	-	5,465,599,530	-
+ Công ty Luật TNHH Quốc tế Gia Phạm	4,722,879,570	-	4,722,879,570	-
+ Công ty CP xếp dỡ lắp đặt máy THL	22,000,000	-	22,000,000	-
+ Công ty TNHH Nam Nhất	218,000,000	-	218,000,000	-
+ Công ty CP vận tải và thương mại Phú Khang	50,000,000	-	50,000,000	-
+ Công ty vận tải Thủy Hoàng Tiến	128,000,000	-	128,000,000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Đồng Gia Phát	213,000,000	-	213,000,000	-
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	111,719,960	-	111,719,960	-
+ Công ty CP Interserco VCI	500,000,000	-	500,000,000	-
- Phải thu khác	500,000,000	-	500,000,000	-
+ CT TNHH Đầu tư và phát triển Đồng Gia Phát	2,961,985,366	-	2,961,985,366	-
+ Các đối tượng khác	2,816,668,586	-	2,816,668,586	-
	145,316,780	-	145,316,780	-

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026
Kết thúc ngày 31/03/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/03/2026		Trong kỳ		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	9,941,652,164	9,941,652,164	30,000,000,000	39,216,060,600	19,157,712,764	19,157,712,764
Vay ngắn hạn	6,593,650,034	6,593,650,034	30,000,000,000	38,100,059,890	14,693,709,924	14,693,709,924
- Trung tâm Mỹ thuật và Phát triển VH	192,101,379	192,101,379	-	717,534,374	192,101,379	192,101,379
- Công ty CP Cảng Hồng Vân (2)	841,548,655	841,548,655	-	-	1,559,083,029	1,559,083,029
- Nguyễn Đức Trường (3)	1,710,000,000	1,710,000,000	-	-	1,710,000,000	1,710,000,000
- Dương Hoài Nam (4)	2,600,000,000	2,600,000,000	-	-	2,600,000,000	2,600,000,000
- Vương Quốc Thắng (5)	750,000,000	750,000,000	-	-	750,000,000	750,000,000
- Phùng Anh Tiến (6)	500,000,000	500,000,000	-	-	500,000,000	500,000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hoài Đức (7)	-	-	26,500,000,000	33,882,525,516	7,382,525,516	7,382,525,516
- Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB) - CN Hà Nội	-	-	3,500,000,000	3,500,000,000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3,348,002,130	3,348,002,130	-	1,116,000,710	4,464,002,840	4,464,002,840
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (8)	116,557,380	116,557,380	-	38,852,460	155,409,840	155,409,840
- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Hà Tây I (9)	315,000,000	315,000,000	-	105,000,000	420,000,000	420,000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hoài Đức (7)	2,916,444,750	2,916,444,750	-	972,148,250	3,888,593,000	3,888,593,000
Vay dài hạn	14,758,413,277	14,758,413,277	-	-	14,758,413,277	14,758,413,277
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (8)	440,327,860	440,327,860	-	-	440,327,860	440,327,860
- Ngân hàng Phát triển VN - SGD I-PGD Hà Đông (1)	499,953,917	499,953,917	-	-	499,953,917	499,953,917
- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Hà Tây I (9)	208,056,000	208,056,000	-	-	208,056,000	208,056,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hoài Đức (7)	13,610,075,500	13,610,075,500	-	-	13,610,075,500	13,610,075,500
Tổng	24,700,065,441	24,700,065,441	30,000,000,000	39,216,060,600	33,916,126,041	33,916,126,041

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026
Kết thúc ngày 31/03/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(7) Là hợp đồng vay giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hoài Đức và Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

- Hợp đồng tín dụng số:01/2025/2257299/ HĐTD ngày 18/04/2025 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hoài Đức và Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế số tiền là 19.442.965.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng. Mục đích vay: Cấp tín dụng trung hạn bù đắp tài chính các chi phí hợp lệ, hợp pháp (tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, tiền giải phóng mặt bằng di chuyển ĐDK 110KV) theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn: 6,5%/ năm cố định cho năm đầu tiên. Các năm tiếp theo lãi suất thả nổi điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Trả nợ gốc trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/09/2025, số tiền trả nợ mỗi kỳ là: 972.148.250đ. Đến ngày 31/03/2026 số dư nợ gốc của hợp đồng này là: 16.526.520.250 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2025/2257299/HĐTD ngày 18/04/2025 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hoài Đức và Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế số tiền 50.000.000.000 đồng, mục đích vay: cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động logistics, kinh doanh thương mại của khách hàng (không tài trợ vốn để đầu tư tài chính, cho vay, đầu tư tài sản cố định, tài trợ các khoản chi phí liên quan đến các dự án trung dài hạn.)

+ Ngày 30/10/2025 Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế vay 5.337.921.066 đồng để thanh toán tiền thuê đất hàng năm theo thông báo số 11309/TB-CCTKV01 – QLĐ ngày 29/04/2025 và thông báo số 6954/TB-CCTKV01 – QLĐ ngày 25/04/2025. Thời hạn vay là 165 ngày kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay trong hạn 5,9%/năm. Đến 31/03/2026 công ty đã tất toán món vay này.

+ Ngày 27/11/2025 Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế vay 2.044.604.450 đồng để thanh toán tiền thuê đất hàng năm theo thông báo số 11309/TB-CCTKV01 – QLĐ ngày 29/04/2025 và quyết định số 26486/QĐ-HAN-QLĐ ngày 28/10/2025. Thời hạn vay là 165 ngày kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay trong hạn 7%/năm. . Đến 31/03/2026 công ty đã tất toán món vay này.

+ Ngày 26/02/2026 Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế vay 26.500.000.000 đồng để thanh toán tiền thép theo HĐ số 01-2026/VTM-ILS cho công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung. Thời hạn vay là 165 ngày kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay trong hạn 7.7%/năm. Ngày 05/03/2026 Công ty đã tất toán gốc và lãi khoản vay này.

(8) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/MD/2024-HĐTD-29613 ngày 03/10/2024 giữa Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng – PGD Mỹ Đình và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế, số tiền vay là 790.000.000đ, thời hạn vay là 05 năm, lãi suất 7,3%/năm, mục đích vay là thanh toán một phần chi phí mua xe ô tô theo HDDMB số 01241036. Kỳ hạn trả nợ gốc là định kỳ 1 tháng/lần (trả dần đều với số tiền gốc bằng nhau), biện pháp đảm bảo là xe oto biên kiểm soát 30L-661.78.

(9) Là khoản vay theo hợp đồng vay tiền giữa Công ty CP Cảng Sơn Tây và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây I, lãi suất 7%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn	505,176,000	279,595,543
+ Công ty CP Dược phẩm B&Q Việt Nam	19,440,000	-
+ Công ty CP Thiết bị công nghiệp Minh Hải	33,750,000	-
+ Công ty TNHH vận tải Duẩn Minh	67,200,000	-
+ Công ty CP Cảng Hồng Vân	37,800,000	-
+ Công ty CP thương mại quốc tế Interserco Việt Nam	81,900,000	-
+ Công ty CP Curate IT	75,006,000	90,909,091
+ Công ty cổ phần Mashup	190,080,000	188,686,452
b. Dài hạn	296,199,455	305,298,364
+ Công ty CP Curate IT	296,199,455	305,298,364
c. Các bên liên quan	371,205,455	396,207,455
Công ty CP Curate IT	371,205,455	396,207,455

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Vốn khác của	Lợi ích cổ đông	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	chủ sở hữu	không kiểm soát	sau thuế chưa phân phối (*)	
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2025	360,000,000,000		50,505,099,767	(60,499,584,409)	350,005,515,358
- Lãi/Lỗ trong năm	-		2,624,199,367	15,573,835,047	18,198,034,414
- Chia cổ tức	-	1,561,824,000	(1,183,500,000)	(1,561,824,000)	(1,183,500,000)
- Thù lao HĐQT, BKS	-		(94,080,000)	(97,920,000)	(192,000,000)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-				-
31/12/2025	<u>360,000,000,000</u>	<u>1,561,824,000</u>	<u>51,851,719,134</u>	<u>(46,585,493,362)</u>	<u>366,828,049,772</u>
01/01/2026	360,000,000,000	1,561,824,000	51,851,719,134	(46,585,493,362)	366,828,049,772
- Lãi trong năm	-		663,215,240	19,165,900,203	19,829,115,443
- Chia cổ tức	-				-
- Tăng, giảm khác	-		(46,499,991)	(1,096,198,460)	(1,142,698,451)
31/03/2026	<u>360,000,000,000</u>	<u>1,561,824,000</u>	<u>52,468,434,383</u>	<u>(28,515,791,619)</u>	<u>385,514,466,764</u>

(*) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định”. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên đang đợi Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam giải quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/03/2026		01/01/2026	
	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước đã thoái sang các nhà đầu tư khác nhưng chưa hoàn thiện thủ tục sang tên	162,000,000,000	45.00%	162,000,000,000	45.00%
Vốn góp của các đối tượng khác	198,000,000,000	55.00%	198,000,000,000	55.00%
+ Công ty CP Logistics Hàng không	97,200,000,000	27.00%	97,200,000,000	27.00%
+ Đối tượng khác	100,800,000,000	28.00%	100,800,000,000	28.00%
	360,000,000,000	100%	360,000,000,000	100%

22.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	360,000,000,000	360,000,000,000
- Vốn góp cuối kỳ	360,000,000,000	360,000,000,000

22.4 CỔ PHIẾU

	31/03/2026	01/01/2026
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	36,000,000	36,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36,000,000	36,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	36,000,000	36,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36,000,000	36,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	36,000,000	36,000,000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10,000	10,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	126,940,704,047	30,857,231,765
- Doanh thu bán hàng	98,537,627,180	4,115,293,800
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28,403,076,867	26,741,937,965
Doanh thu với các bên liên quan	57,636,781,610	2,295,631,254
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	13,532,128	14,029,660
- Công ty CP Bê tông Sơn Tây	-	442,234,085
- Công ty CP TMQT Interserco VN	46,507,519	44,182,614
- Công ty CP Chuỗi cung ứng Liên Hợp	1,306,360	9,287,434
- Công ty CP Cảng Hồng Vân	56,197,594,550	465,000,000
- Công ty CP Khang Việt Hà	4,936,427	9,897,461
- Công ty Cổ phần Ô tô Con Đường mới	1,337,450,080	1,311,000,000
- Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	35,454,546	-

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	98,584,578,035	4,101,299,882
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	18,435,407,544	19,266,123,116
	117,019,985,579	23,367,422,998

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	757,656,803	236,869,371
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư khác	15,404,080,000	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	440,123,400	-
	16,601,860,203	236,869,371
Giao dịch với các bên liên quan		
- Công ty CP Logistics Hàng không	15,404,080,000	-

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
- Chi phí lãi vay	269,591,905	686,941,492
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	-
- Dự phòng tổn thất đầu tư	-	-
- Chi phí tài chính khác	117,030,900	101,202,543
	386,622,805	788,144,035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	5,916,488,029	5,989,610,167
- Chi phí nhân viên quản lý	4,152,171,332	3,895,541,721
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(545,685,273)	(185,430,631)
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	1,592,661,600
- Chi phí quản lý khác	2,310,001,970	686,837,477
b. Các khoản chi phí bán hàng	-	-
- Chi phí nhân công	-	-
- Chi phí bán hàng khác	-	-

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	35,046,400	19,261,870
	35,046,400	19,261,870

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
- Các khoản phạt, truy thu thuế	-	-
- Các khoản chi phí khác	22,651,920	50,935,852
	22,651,920	50,935,852

30. LƯƠNG, THỦ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

		Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND
a. Thủ lao thành viên Hội đồng quản trị		90,000,000	90,000,000
- Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT	30,000,000	30,000,000
- Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên HĐQT	15,000,000	15,000,000
- Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	15,000,000	15,000,000
- Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên HĐQT	15,000,000	15,000,000
- Ông Triệu Văn Bằng	Thành viên HĐQT	15,000,000	15,000,000
b. Thủ lao thành viên Ban Kiểm soát		48,000,000	48,000,000
- Bà Ngô Thị Hoàng Yến	Thành viên BKS	15,000,000	15,000,000
- Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên BKS	12,000,000	12,000,000
- Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên BKS	12,000,000	12,000,000
- Bà Đỗ Thị Hương	Thư ký	9,000,000	9,000,000
c. Lương của Ban Tổng giám đốc		733,655,000	726,189,000
- Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT	234,830,000	235,830,000
- Ông Vũ Hoàng Thao	Tổng giám đốc	193,315,000	190,359,000
- Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc	150,635,000	149,397,000
- Ông Triệu Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	154,875,000	150,603,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

p31. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên A) và Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên B) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép dự án đầu tư, xây dựng và quản lý dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams trên khu đất khoảng 38.000 m² tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp cổ phần thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên. Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội). Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 06/03/2016, Bên C đã được chuyển thành bà Tạ Thị Thuỳ Trang. Đến thời điểm hiện tại, dự án chưa được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Sau khi xem xét, UBND thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (Hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền do các đối tác khác bồi thường hỗ trợ".

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 đã được kiểm toán

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Phương

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026



Tổng Giám đốc

Vũ Hoàng Thao

CHÍNH VỤ QUỐC TẾ